

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*, giữa:

Nguyên đơn: chị Lê Thị N - Sinh ngày: 07/02/1990

CCCD số: 038190018878

Địa chỉ: Thôn G, xã X, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Đỗ Xuân N1 - Sinh ngày: 02/3/1986

CCCD số: 038088015541

Địa chỉ: Thôn G, xã X, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Xuân N1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị N và anh Đỗ Xuân N1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Xuân N1 thống nhất: vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Bảo V, sinh ngày 27/10/2017 và Đỗ Bảo N2, sinh ngày 30/8/2012.

Hai bên thỏa thuận: Khi ly hôn, chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cháu V; anh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị N và anh N1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Xuân N1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Xuân N1 thống nhất: chị N chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001429 ngày 02/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa. Chị N được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Xuân Du;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Huy